

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế TP. HCM;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07/3/2005 của UBND TP. HCM về việc chuyển Trường Cao đẳng Kinh tế TP. HCM sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. HCM;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc ban hành Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh 2022. Trong quá trình thực hiện có điều nào xét thấy không phù hợp thì Hiệu trưởng sẽ xem xét điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Các Phòng, Khoa, Tổ, Trung tâm và giảng viên, sinh viên chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú

QUY ĐỊNH

Đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ

*(Ban hành kèm theo quyết định số 624/QĐ-CDKT ngày 07 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về hoạt động đào tạo trình độ cao đẳng hình thức chính quy theo phương thức tín chỉ tại trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm các nội dung về: tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; đánh giá môn học; xét công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên trình độ Cao đẳng hình thức chính quy tại trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh từ khoá tuyển sinh 2022.

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian đào tạo

1. Chương trình đào tạo

a. Chương trình đào tạo thể hiện mục tiêu đào tạo, khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà sinh viên cần đạt sau khi tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung; phương pháp và hình thức đào tạo; các thức đánh giá kết quả đào tạo.

b. Chương trình đào tạo phải được công khai đối với sinh viên trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan chương trình đào tạo được công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

2. Thời gian đào tạo

a. Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ tại Nhà trường từ 2 đến 3 năm. Đây là thời gian sinh viên tích lũy đủ số lượng tín chỉ của chương trình.

b. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo bao gồm thời gian học các môn học và thời gian bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không quá 1.5 lần thời gian đào tạo trình độ cao đẳng của trường, không bao gồm thời gian tạm dừng chương trình và bảo lưu kết quả học quy định tại khoản 2 điều 8 của Quy định này.

c. Thời gian tối đa đối với sinh viên cùng lúc hai chương trình bằng thời gian tối đa để hoàn thành chương trình có thời gian đào tạo dài hơn và được tính từ khi bắt đầu học chương trình thứ nhất.

d. Hiệu trưởng có thể xem xét, quyết định kéo dài thời gian đào tạo tối đa đối với các trường hợp sinh viên có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của luật Người khuyết tật.

e. Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hằng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật.

Điều 3. Môn học và tín chỉ

1. Môn học là khối lượng kiến thức trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn môn học có khối lượng từ 2 đến 6 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi môn học phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của mô-đun.

2. Trong chương trình có hai loại môn học:

a. Môn học bắt buộc: là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy để đạt yêu cầu tốt nghiệp;

b. Môn học tự chọn: là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn dưới sự hướng dẫn của trường theo sở thích cá nhân để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình.

3. Ngoài ra, căn cứ vào chương trình và tiến trình đào tạo của từng ngành còn có một số loại môn học như sau:

a. Môn học tương đương: là môn học có cùng nội dung và khối lượng kiến thức tích lũy nhưng thuộc chương trình của một khóa / ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay thế cho một môn học trong chương trình của ngành đào tạo;

b. Môn học thay thế: là môn học đang được tổ chức giảng dạy và có nội dung thay thế cho một môn học khác có trong chương trình nhưng không còn tổ chức giảng dạy nữa;

c. Môn học trước: là môn học điều kiện cần phải hoàn thành trước khi đăng ký môn học sau.

4. Tín chỉ là đơn vị được dùng để đo lường khối lượng kiến thức trong một chương trình; một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học; 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học hoặc 45 giờ thực tập tại cơ sở, tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận. Số tín chỉ đối với từng môn học cụ thể do Trường khoa đề nghị, được Hiệu trưởng phê duyệt và ghi trong chương trình đào tạo, chương trình môn học.

Điều 4. Kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi.

b) Ngoài hai học kỳ chính, tùy tình hình thực tế nhà trường sẽ tổ chức học kỳ bổ sung để tạo điều kiện cho sinh viên được học lại, học bù hoặc học vượt. Kết quả học

tập của học kỳ bổ sung không ảnh hưởng đến kết quả xét cảnh báo học tập, xét chế độ của học kỳ chính.

2. Trước khi bắt đầu năm học, Hiệu trưởng công bố công khai kế hoạch đào tạo (tiến độ đào tạo) của năm học. Kế hoạch đào tạo cho từng năm học thể hiện: Thời gian, hoạt động của chương trình đào tạo; thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học; kế hoạch tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); thời gian nghỉ hè, lễ tết, khai giảng, bế giảng thời gian học tập ngoại khóa và các nội dung khác.

3. Căn cứ vào khối lượng học tập của chương trình đào tạo, trước thời điểm bắt đầu của mỗi học kỳ Hiệu trưởng sẽ phê duyệt kế hoạch phân bổ số môn học, thời gian, thời lượng đào tạo các môn học, thời gian học lý thuyết, thực hành, thực tập. Trường hợp đào tạo trực tuyến thì kế hoạch phân bổ số môn học thể hiện cụ thể các nội dung, môn học được đào tạo bằng hình thức trực tuyến.

Điều 5. Đăng ký nhập học

1. Khi vào học tại trường, sinh viên phải nộp cho trường các giấy tờ theo quy định hiện hành.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường. Sinh viên được tổ chức thành các lớp học theo các chương trình đào tạo và ngành nghề đào tạo cụ thể. Những sinh viên chính thức của trường sẽ được nhà trường cung cấp thẻ sinh viên và các thông tin về mục tiêu, nội dung, kế hoạch học tập của chương trình, quy định đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học.

Điều 6. Chuyển ngành đào tạo

1. Sinh viên được chuyển ngành đào tạo đang học sang một ngành khác khi thỏa mãn những yêu cầu sau:

- a. Sinh viên phải có đơn đề nghị chuyển đổi ngành đào tạo;
- b. Ngành đào tạo dự kiến sẽ chuyển sang học phải có cùng hình thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển sinh bằng hoặc thấp hơn so với tiêu chí tuyển sinh của ngành đào tạo đang học;
- c. Việc chuyển đổi ngành đào tạo phải được thực hiện ngay trong học kỳ 1 của chương trình đào tạo;
- d. Không trong thời gian: tạm dừng chương trình đang học, điều chỉnh tiến độ học, bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Thời gian học tối đa để sinh viên chuyển ngành đào tạo hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 2 của quy định này và được tính từ khi bắt đầu nhập học ngành trước khi chuyển.

Điều 7. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai của trường hoặc của đơn vị liên kết đào tạo với trường để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

- a. Sinh viên có đơn đề nghị học cùng lúc 2 chương trình;
 - b. Ngành đào tạo ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo ở chương trình thứ nhất;
 - c. Đã học xong học kỳ thứ hai đối với chương trình, kết quả học tập của từng học kỳ đã hoàn thành ở chương trình thứ nhất phải đạt loại khá trở lên;
 - d. Không trong thời gian: tạm dừng chương trình đang học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
3. Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học ở chương trình thứ nhất thì bị buộc thôi học ở chương trình thứ hai.
4. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành hai chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 2 của quy định này.

Điều 8. Tạm dừng chương trình và bảo lưu kết quả học tập

1. Bảo lưu kết quả học tập là việc nhà trường giữ nguyên kết quả sinh viên đã học và thi đạt yêu cầu đối với các môn học trong khoảng thời gian nhất định khi sinh viên được tạm dừng chương trình đào tạo. Kết quả học tập các môn học bảo lưu được tính khi xếp loại kết quả học tập và đánh giá xếp loại tốt nghiệp.

2. Sinh viên được tạm dừng chương trình đang học và được bảo lưu kết quả học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia phòng chống thiên tai, dịch bệnh; tham gia các kỳ thi, giải thi đấu quốc tế;

b. Vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi khám, điều trị hoặc có giấy xác nhận khuyết tật theo luật quy định của Luật Người khuyết tật;

c. Chuyển nơi học từ trường này sang trường khác cùng ngành nghề đào tạo mà thời gian học ở trường khác có sự khác nhau về tiến độ;

d. Tham gia chương trình, dự án đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc do điều kiện, hoàn cảnh gia đình buộc phải dừng học tập;

e. Trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn;

f. Bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức độ buộc thôi học.

3. Thời gian tạm dừng chương trình đang học và được bảo lưu kết quả học tập không quá 5 năm tính từ khi dừng chương trình học tập và không tính vào thời gian tối đa hoàn thành khóa học. Sinh viên có nhu cầu được bảo lưu kết quả học tập phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét quyết định.

4. Sinh viên được tạm hoãn môn học (nghỉ học tạm thời) theo kế hoạch đào tạo của trường và phải hoàn thành môn học (trong thời gian nghỉ học tạm thời) trong quỹ thời gian tối đa hoàn thành chương trình nếu thuộc một hoặc các trường hợp sau:

a. Vì lý do sức khỏe không bảo đảm để học môn học đó và phải có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi sinh viên đó khám hoặc điều trị;

b. Có lý do khác không thể tham gia hoàn thành môn học đó, kèm theo minh chứng cụ thể và phải được hiệu trưởng chấp thuận.

5. Sinh viên không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, 4 của Điều này, trong trường hợp có lý do chính đáng thì được nghỉ học đột xuất theo quy định của trường và phải hoàn thành nhiệm vụ học tập theo quy định, đồng thời phải bảo đảm điều kiện dự thi kết thúc môn học mới được dự thi kết thúc môn học.

6. Thời gian nghỉ học tạm thời được tính vào thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 2 của quy định này.

Điều 9. Công nhận và miễn trừ nội dung học tập

1. Được miễn trừ nội dung, kết quả học tập (miễn học, miễn thi) các môn học trong chương trình của trường không phân biệt đào tạo trực tiếp hay đào tạo trực tuyến theo quy định sau:

TT	Môn học	Điều kiện
1	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
2	Giáo dục chính trị	- Đã tốt nghiệp chương trình đào tạo từ trình độ tương đương trở lên. - Đã có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên
3	Ngoại ngữ	- Đã có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. - Đã có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình độ từ trung cấp ngoại ngữ trở lên.
4	Tin học	- Đã tốt nghiệp chương trình đào tạo từ trình độ tương đương trở lên. - Hoặc có kết quả kiểm tra đầu vào đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên nhóm ngành, nghề công nghệ thông tin.
5	Giáo dục thể chất	- Là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động. - Đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương trong các đợt thi đấu thể thao cấp ngành hoặc từ cấp tỉnh trở lên trong thời gian học tại trường.

6	Các môn học khác	Đã được công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo từ trình độ tương đương trở lên, trong đó có môn học có điểm đạt yêu cầu và được công nhận là tương đương với môn học trong chương trình của trường.
---	------------------	--

2. Sinh viên có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật được hiệu trưởng xem xét, quyết định cho miễn, giảm học một số môn học hoặc miễn, giảm một số nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.

3. Những môn học được miễn trừ kết quả học tập sẽ được ghi chú và không thực hiện tính toán trong chương trình của sinh viên.

4. Sinh viên có nhu cầu được miễn trừ nội dung và kết quả học tập phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học hoặc trước mỗi kỳ thi (trước ngày thi 15 ngày).

Điều 10. Chuyển trường

1. Sinh viên chuyển trường theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì việc chuyển trường được thực hiện theo quyết định của cơ quan ra quyết định cho sinh viên chuyển trường đó. Trong đó, việc ra quyết định chuyển trường phải có sự đồng ý bằng văn bản của sinh viên.

2. Sinh viên chuyển trường theo nhu cầu cá nhân thì việc chuyển trường phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- a. Có đơn đề nghị chuyển trường và có sự chấp thuận của trường đang học;
- b. Không trong thời gian: điều chỉnh tiến độ học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c. Không chuyển trường khi đang học học kỳ cuối cùng của khóa học;
- d. Khi chuyển trường phải học đúng ngành đang học tại trường nơi chuyển đi và có cùng hình thức đào tạo.

3. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và trình Hiệu trưởng văn bản quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các môn học mà sinh viên chuyển đến được chuyển kết quả và số môn học phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và chương trình hiện tại của nhà trường.

4. Thời gian tối đa cho sinh viên chuyển trường hoàn thành chương trình được tính từ thời điểm nhập học ở trường nơi chuyển đi.

Điều 11. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học

1. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ.

a. Kiểm tra thường xuyên do giảng viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một

số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

b. Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác theo quy tắc bảo đảm trong một môn học có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ.

c. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ bằng hình thức trực tuyến do giảng viên giảng dạy môn học quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của sinh viên;

d. Sinh viên không dự kiểm tra nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 (không) cho bài kiểm tra đó, trường hợp có lý do chính đáng thì được giảng viên giảng dạy môn học tổ chức làm bài kiểm tra bổ sung. Sinh viên không được dự kiểm tra lại để cải thiện điểm học tập;

e. Các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm và công bố điểm cho sinh viên trong vòng 2 tuần kể từ khi kiểm tra.

2. Tổ chức thi kết thúc môn học

a. Thi kết thúc môn học được thực hiện tại trường, địa điểm đào tạo của trường; đơn vị liên kết đào tạo hoặc tại doanh nghiệp; được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến khi đáp ứng được các điều kiện cho việc tổ chức thi;

b. Thi kết thúc môn học được thực hiện một hoặc nhiều lần sau khi học xong môn học hoặc cuối mỗi học kỳ;

c. Hình thức thi kết thúc môn học, thời gian làm bài thi kết thúc môn học, điều kiện thi kết thúc môn học được quy định cụ thể trong chương trình môn học.

d. Thi kết thúc môn học bằng hình thức trực tuyến được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin. Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định.

Điều 12. Điều kiện dự thi kết thúc môn học

1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Còn số lần dự thi theo quy định tại khoản 2 Điều này.

- Sinh viên có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở sinh viên đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

2. Số lần được dự thi:

a. Sau khi học xong môn học, sinh viên đủ điều kiện dự thi được dự thi kết thúc môn học. Nếu sinh viên chưa dự thi kết thúc môn học lần thứ nhất vì lý do chính đáng thì được bố trí tham dự ở lần thứ hai.

b. Sinh viên phải dự thi lần hai, nếu thuộc vào một trong những trường hợp sau:

- Sinh viên có điểm thi lần thứ nhất thuộc loại chưa đạt yêu cầu (< 2 điểm, thang điểm 10).

- Sinh viên có điểm môn học thuộc loại không đạt (< 4 điểm, thang điểm 10).

- Sinh viên thuộc cả 2 trường hợp trên.

c. Sinh viên vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó;

d. Sinh viên có điểm thi đạt yêu cầu ở lần thứ nhất nhưng muốn có điểm cao hơn thì được đăng ký thi thêm 01 lần để cải thiện điểm số nhưng không được bảo lưu điểm thi trước đó. Điểm thi lần sau không được tính để xét học bổng;

e. Số lần sinh viên được dự thi trong một học kỳ, cho mỗi môn học tối đa là 02 (hai) lần.

3. Học lại và thi lại

a. Sinh viên phải học lại và thi lại môn học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không đủ điều kiện dự thi;

- Đã hết số lần dự thi nhưng điểm thi chưa đạt yêu cầu (< 2 điểm, thang điểm 10) hoặc điểm môn học chưa đạt yêu cầu (< 4 điểm, thang điểm 10);

- Sinh viên đăng ký học và thi lại để cải thiện điểm.

b. Sinh viên thuộc diện phải học và thi lại không được bảo lưu điểm, thời gian học tập của môn học lần học trước đó và phải bảo đảm các điều kiện dự thi được quy định tại khoản 1 Điều này mới được dự thi kết thúc môn học;

c. Trường hợp không còn môn học do điều chỉnh chương trình thì Trường khoa đề xuất thông qua phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định chọn môn học khác thay thế trên cơ sở phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo.

Điều 13. Tính điểm môn học, điểm trung bình chung học kỳ, năm học và điểm trung bình chung tích lũy.

1. Điểm môn học.

a. Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6;

b. Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c. Điểm đánh giá thường xuyên, định kỳ và điểm thi được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm môn học là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thường xuyên, định kỳ và điểm thi của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học được làm tròn đến một chữ số thập phân sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt:	A (8,5 – 10)	4,00	Giỏi
	B (7,0 – 8,4)	3,00	Khá
	C (5,5 – 6,9)	2,00	Trung bình
	D (4,0 – 5,4)	1,00	Trung bình yếu
b. Loại không đạt:	F (Dưới 4,0)	0,00	Kém

c. Đối với những môn học chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I	Chưa đủ dữ liệu đánh giá
X	Chưa nhận được kết quả thi

d. Đối với những môn học được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau:

a. Đối với những môn học mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b. Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c. Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a. Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, phải có giấy xác nhận của bệnh viện;

b. Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng khoa chấp thuận;

c. Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những môn học mà P.ĐT của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a. Điểm môn học được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ đối với một số môn học được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt;

b. Những môn học được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

8. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến 2 chữ số thập phân và được tính theo công thức sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của môn học thứ i

n_i là số tín chỉ của môn học thứ i

n là tổng số môn học.

a. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các môn học mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ;

b. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm môn học được bảo lưu, miễn trừ và không bao gồm điểm môn học điều kiện;

c. Trường hợp sinh viên được tạm hoãn học môn học thì chưa tính khối lượng học tập của môn học đó trong thời gian được tạm hoãn.

9. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc môn học lần thứ nhất; để xét buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học có điểm cao nhất.

10. Môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 2 môn học điều kiện; kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập và được ghi vào bảng điểm cấp.

Điều 14. Bằng tốt nghiệp, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập

1. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp thì được hiệu trưởng cấp bằng tốt nghiệp.

2. Bảng điểm từng môn học của toàn khóa học được cấp cho sinh viên kèm theo bằng tốt nghiệp trong đó ghi rõ tên ngành, nghề đào tạo, hình thức đào tạo, kết quả và tên môn học được miễn trừ, bảo lưu điểm; điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, xếp loại tốt nghiệp, lý do hạ mức xếp loại tốt nghiệp nếu có.

3. Sinh viên chưa được công nhận tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các môn học đã học trong chương trình, trong đó phải ghi rõ hình thức đào tạo và lý do chưa được công nhận tốt nghiệp.

4. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho người đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc môn học cuối cùng trong chương trình đào tạo.

5. Sinh viên tốt nghiệp các ngành Công nghệ thông tin, Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành, các ngành còn lại được công nhận danh hiệu cử nhân thực hành.

Điều 15. Quản lý hồ sơ, tài liệu đào tạo

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm lập hồ sơ và quản lý hồ sơ, tài liệu; bảo quản sử dụng, hủy hồ sơ, tài liệu liên quan đến đào tạo theo quy định hiện hành của pháp luật, trường hợp trường giải thể thì phải bàn giao hồ sơ đào tạo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Trong đó, một số hồ sơ, tài liệu và thời hạn lưu trữ bảo đảm yêu cầu dưới đây:

1. Hồ sơ lưu trữ vĩnh viễn
 - a. Văn bản phê duyệt, ban hành chương trình đào tạo; hồ sơ ban hành giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy; văn bản quy định về tổ chức, quản lý đào tạo;
 - b. Văn bản phê duyệt danh sách sinh viên trúng tuyển, danh sách lớp;
 - c. Bảng điểm tổng hợp kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ, khóa học;
 - d. Hồ sơ công nhận kết quả tốt nghiệp bao gồm: Quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp, biên bản họp xét tốt nghiệp, bảng điểm tổng kết toàn khóa học;
 - e. Quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên;
 - f. Kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học;
 - g. Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật sinh viên;
 - h. Hồ sơ liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài.
2. Hồ sơ lưu trữ ít nhất 10 năm kể từ ngày công nhận tốt nghiệp cho sinh viên
 - a. Hồ sơ tổ chức thi kết thúc môn học, gồm: kế hoạch thi và lịch thi; danh sách người dự thi và kết quả từng môn thi; phiếu nộp bài thi có chữ ký của sinh viên và cán bộ coi thi; bản ghi âm, ghi hình buổi thi đối với hình thức thi trực tuyến;
 - b. Bảng điểm của sinh viên gồm: điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ; điểm thi kết thúc môn học bản in kết quả thi, kiểm tra đối với hình thức thi, kiểm tra trực tuyến hoặc bằng phần mềm chuyên biệt trên máy tính có chữ ký của giảng viên giảng dạy và cán bộ quản lý chuyên môn.
3. Hồ sơ lưu trữ ít nhất 05 năm kể từ ngày công nhận tốt nghiệp cho sinh viên
 - a. Hồ sơ phúc khảo bài thi kết thúc môn học;
 - b. Sổ lên lớp của từng lớp học.

4. Hồ sơ lưu trữ ít nhất 01 năm kể từ ngày công nhận tốt nghiệp cho sinh viên:
Thời khóa biểu và phân công giảng viên giảng dạy.

Chương 2

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 16. Tổ chức lớp học

1. Lớp học được tổ chức theo từng môn học dựa vào việc đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp môn học được quy định như sau:

- 50 sinh viên đối với những môn học lý thuyết.
- 18 sinh viên đối với những môn học thực hành, tích hợp.
- Những trường hợp đặc biệt sẽ do phòng Đào tạo làm đề nghị để trình Hiệu trưởng quyết định.

Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những môn học khác có lớp nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

2. Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 đến 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ sinh viên học các môn học chậm tiến độ ở học kỳ chính hoặc học lại các môn học chưa đạt hoặc để cải thiện điểm số hoặc học vượt các môn học ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

Điều 17. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi học kỳ, nhà trường sẽ thông báo tiến độ học tập cho từng chương trình trong học kỳ, danh sách các môn học bắt buộc và môn học tự chọn dự kiến sẽ dạy, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng môn học...

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ ít nhất bốn tuần, nhà trường sẽ công bố Kế hoạch đăng ký môn học, trong đó quy định về: thời khóa biểu của các lớp môn học, thời gian biểu đăng ký học và lịch trình thi kết thúc môn học. Tùy theo khả năng và điều kiện của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký các môn học dự định sẽ học trong học kỳ đó trên phần mềm quản lý đào tạo của trường. Có 2 hình thức đăng ký các môn học: đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a. *Đăng ký bình thường* là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

b. *Đăng ký muộn* là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của kỳ học phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang môn học khác khi không có lớp.

3. Khối lượng học tập mà sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

- a. Khối lượng học tập tối thiểu không nhỏ hơn $\frac{2}{3}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập;
- b. Khối lượng học tập tối đa không quá $\frac{3}{2}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập;
- c. Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở kỳ học phụ.
4. Việc đăng ký các môn học ở từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện ràng buộc của từng môn học và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.
5. Nhà trường chỉ chấp nhận kết quả đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi kết quả đăng ký trực tuyến trùng với kết quả đăng ký cho Cố vấn học tập.
6. Sinh viên được đăng ký học lại môn học có lần thi cuối đạt điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 18. Rút bớt môn học đã đăng ký

1. Việc rút bớt môn học trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 1 tuần nhưng không muộn quá 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính; không muộn quá 1 tuần kể từ khi bắt đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn trên môn học vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký môn học, nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F cho môn học đó.
2. Điều kiện rút bớt các môn học đã đăng ký:
 - Sinh viên phải tự viết phiếu đề nghị (theo mẫu) gửi phòng Đào tạo;
 - Được cố vấn học tập chấp thuận;
3. Sinh viên chỉ được phép ngưng học đối với môn học xin rút bớt sau khi giảng viên phụ trách nhận được giấy báo từ phòng Đào tạo.
4. Khối lượng môn học còn lại sau khi được rút bớt phải đảm bảo điểm a, khoản 3, điều 17 của quy định này.

Điều 19. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có môn học bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại môn học đó (hoặc môn học thay thế, tương đương) ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm điểm A, B, C hoặc D.
2. Sinh viên có môn học tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại môn học đó hoặc đăng ký môn học tự chọn tương đương khác.
3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 của điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang môn học khác đối với các môn học bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm của môn học được đăng ký học lại hoặc học đổi sang môn học khác sẽ bị hủy khỏi kết quả tích lũy học tập của sinh viên.
4. Sinh viên thực hiện việc đăng ký học lại bằng cách đăng ký trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo của nhà trường.

Điều 20. Xếp loại kết quả học tập

1. Xếp loại kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ được căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy trong học kỳ đó theo thang điểm 4, cụ thể:

- Loại xuất sắc: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,50 đến 4,00;
- Loại giỏi: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,00 đến 3,49;
- Loại khá: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 2,99;
- Loại trung bình: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49;
- Loại yếu: điểm trung bình chung tích lũy thấp hơn 2,00.

2. Sinh viên có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ được xếp loại kết quả học tập;

- Có một môn học trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 môn học trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi (không tính môn học điều kiện; môn học được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ).

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính để xếp loại.

Điều 21. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và có kế hoạch học tập thích hợp để cải thiện kết quả học tập. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được thực hiện khi:

a. Tổng số môn học không đạt trong học kỳ vượt 50% khối lượng học tập đã đăng ký đầu kỳ;

b. Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 1,2 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,5 đối với các học kỳ tiếp theo.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a. Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 4 lần;

b. Đã hết quỹ thời gian tối đa để hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 2 điều 2 của quy định này;

c. Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học.

3. Tự thôi học: sinh viên không thuộc diện bị buộc thôi học, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị trường cho thôi học:

a. Tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định;

b. Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được hiệu trưởng chấp thuận.

4. Chậm nhất một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM hoặc tại những trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn thì những sinh viên thuộc diện bị thôi học quy định tại các

TÁC
TRU
HỌ ĐÃ
TP. HỒ
ps

điểm a và b khoản 2 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Trường phòng Đào tạo sẽ xem xét và trình Hiệu trưởng quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 22. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được công nhận tốt nghiệp:

a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b. Tích lũy đủ số môn học và số tín chỉ quy định cho chương trình;

c. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;

d. Hoàn thành môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh;

e. Có chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo kỹ năng mềm;

f. Đạt yêu cầu về trình độ Ngoại ngữ, Tin học theo quy định chung của nhà trường. Đối với ngành Công nghệ thông tin và Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) không yêu cầu về trình độ tin học;

g. Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Trường hợp sinh viên bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

3. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch và các thành viên là Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng P. CTHSSV.

4. Căn cứ kết luận của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 23. Xếp loại tốt nghiệp

1. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo chính. Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- Loại xuất sắc: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,50 đến 4,00;
- Loại giỏi: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,00 đến 3,49;
- Loại khá: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 2,99;
- Loại trung bình: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49;

2. Xếp loại tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a. Có một môn học trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 môn học trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi (không tính môn học điều kiện; môn học được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ);

b. Có khối lượng học tập phải học lại quá 10% thời lượng chung của chương trình đào tạo;

c. Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

CHƯƠNG 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho khóa đào tạo trình độ cao đẳng, tuyển sinh từ năm 2022.

2. Đối với các khóa tuyển sinh trước thời điểm quy định này có hiệu lực, việc tổ chức đào tạo theo quy định hiện hành tại thời điểm bắt đầu khóa học đến khi kết thúc khóa học.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Các Phòng, Trung tâm, Khoa thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này. /.

